TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13-02-2025
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Cang và ông Huỳnh Khắc Hiếu.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 362/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Kim N, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Khu phố C, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy G, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Khu phố C, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Kim N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh G tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn được UBND phường E, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/02/1995. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh G thường xuyên cờ bạc, chửi bới và đánh đập vợ con nên dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Mâu thuẫn vợ chồng được gia đình hòa giải nhưng không thành, anh G vẫn không thay đổi. Chị N và anh G sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh G.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thùy L, sinh ngày 23/10/1996 và Nguyễn Võ Thùy D, sinh ngày

18/5/2009. Hiện nay cháu D đang sống với chị N. Ly hôn, chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu L vì đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Duy G vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị N vẫn giữ nguyên lời trình bày.

Bị đơn anh G vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị N cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Chị N được ly hôn với anh G; Về con chung: Giao cháu D cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh G không phai cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu L vì đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân và chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Duy G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh G tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường E, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15 quyển số 01 ngày 14/02/1995 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị N, nguyên nhân mâu thuẫn do anh G thường xuyên cờ bạc, chửi bới, đánh đập vợ con nên dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Chị N và anh G sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ cho anh G để lấy lời khai và hòa giải nhưng anh G không đến Tòa cũng như tại phiên tòa hôm nay anh G vẫn không có mặt. Như vậy cho thấy anh G không có thiện chí hòa giải khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa chị N và anh G đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh G.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị N và anh G có 02 con chung tên là Nguyễn Thùy L, sinh ngày 23/10/1996 và Nguyễn Võ Thùy D, sinh ngày 18/5/2009. Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với cháu L, vì hiện nay cháu L đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Đối với cháu D, hiện nay cháu D đang sống với chị N và chị N vẫn đảm bảo cuộc sống về thể chất và sự phát triển tâm sinh lý bình thường của con. Ngoài ra, cháu D có đơn xin tự nguyện sống với chị N. Do đó, cần tiếp tục giao cháu D cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những căn cứ nêu trên nên chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về án phí: Nguyên đơn chị N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kim N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Duy G.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Võ Thùy D, sinh ngày 18/5/2009 cho chị Võ Thị Kim N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị Kim N không yêu cầu anh Nguyễn Duy G cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng.

Đối với Nguyễn Thùy L, sinh ngày 23/10/1996 vì đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân và chị Võ Thị Kim N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Võ Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002911 ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp . T;
- Chi cục THADS Tp T;
- UBND Phường 5, Tp T;
(Số 15, quyển số 01, ngày 14/02/1995)
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang